

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 555/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam đã được Đại hội lần thứ hai (nhiệm kỳ 2013 - 2018) của Hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2013.

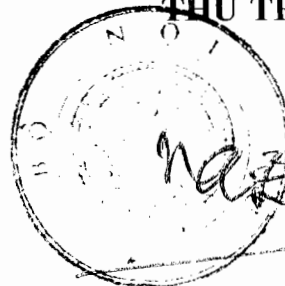
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

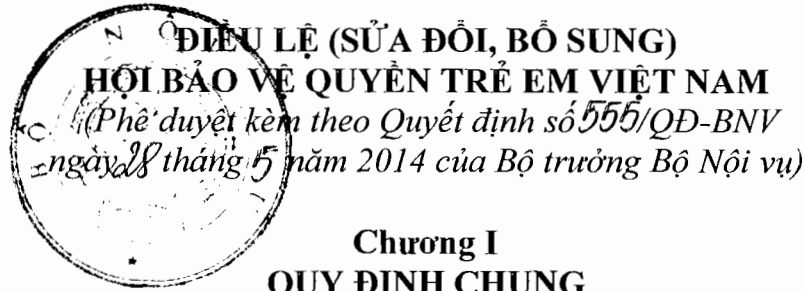
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đinh



Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association for Protection of Child's Rights.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VACR.
4. Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội nhằm tập hợp, đoàn kết công dân, tổ chức Việt Nam có tâm huyết, tự nguyện hoạt động, phấn đấu vì mục đích làm cho trẻ em được hưởng các quyền cơ bản; tham gia ngăn chặn mọi hành vi xâm hại quyền trẻ em theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại Hà Nội. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Hội có thể đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước.
2. Hội hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em.
3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
6. Tư vấn về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em và tham gia khuyến nghị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội, lĩnh vực Hội hoạt động. Nghiên cứu, khảo sát, tổ chức hội nghị, hội thảo; tập huấn nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về bảo vệ quyền trẻ em cho hội viên để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
8. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
9. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
10. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động. Nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Đề nghị, kiến nghị với các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các nguy cơ, hành vi ngược đãi, xâm hại tính mạng, thân thể, nhân phẩm trẻ em theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em là nạn nhân của hành vi nói trên theo quy định của pháp luật.
12. Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Tư vấn, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng cho hội viên và cộng đồng về bảo vệ quyền của trẻ em. Tham gia giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật. Có chính kiến về những vụ việc vi phạm quyền trẻ em và tham gia ngăn chặn mọi hành vi gây tổn hại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, cung cấp dịch vụ nhằm bảo vệ quyền trẻ em, hỗ trợ trẻ em chưa được hưởng các quyền cơ bản, có nguy cơ bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức mạng lưới hội viên. Phát triển tổ chức mạng lưới bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật. Vận động nguồn lực, kêu gọi sự đóng góp và tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, quà tặng, các khoản tài trợ để gây quỹ Hội theo cam kết của nhà tài trợ và theo quy định của pháp luật.

9. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động và quản lý hội theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Tổ chức Việt Nam không có điều kiện tham gia mọi hoạt động của Hội; tán thành Điều lệ Hội, tình nguyện hợp tác, lồng ghép hoạt động bảo vệ quyền trẻ em vào hoạt động của tổ chức mình, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội và có văn bản cử người đại diện tham gia Hội, có thể trở thành hội viên liên kết của Hội;

c) Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam có uy tín trong xã hội, có đóng góp cho Hội, nhưng không có điều kiện tham gia mọi hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Công dân, tổ chức Việt Nam có tâm huyết, trách nhiệm, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia các hoạt động bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Có điều kiện tham gia công tác, hoạt động của Hội thường xuyên.

Điều 9. Quyền hạn của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được dân chủ, bình đẳng khi thảo luận và biểu quyết các vấn đề của Hội; được ứng cử, đề cử vào các chức danh lãnh đạo Hội; được chất vấn lãnh đạo Hội về chủ trương và hoạt động của Hội.

4. Được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn; chia sẻ, cung cấp thông tin, kinh nghiệm về hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong phạm vi, quyền hạn của Hội, theo quy định của pháp luật.

5. Được cấp thẻ hội viên. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẻ hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Được quyền xin ra khỏi Hội.

7. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội và sinh hoạt trong tổ chức, đơn vị của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội. Ban Chấp hành quy định cụ thể đóng hội phí theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Tổ chức, công dân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn gia nhập Hội gửi Ban Thường vụ Hội (thông qua cơ quan Thường trực Hội), được Hội xem xét, kết nạp hội viên của Hội.

2. Hội viên của Hội khi xét thấy không đủ điều kiện tham gia Hội, làm đơn ra khỏi Hội gửi Ban Thường vụ Hội (thông qua cơ quan Thường trực Hội), được Hội xem xét, chấp thuận.

3. Hội viên bị Hội chấm dứt tư cách hội viên khi:

- a) Hội viên tổ chức bị phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;
- b) Hội viên cá nhân bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất quyền công dân;
- c) Hội viên vi phạm quy định của Hội và quy định của pháp luật bị Hội khai trừ.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội Đại biểu.

2. Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ Hội.

4. Ban Kiểm tra Hội.

5. Cơ quan Thường trực Hội

6. Các tổ chức trực thuộc Hội. Đối với tổ chức trực thuộc Hội có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật. Đối với chi hội trực thuộc Hội không có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

7. Hội hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em ở các địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, được Hội xem xét, kết nạp là hội viên tổ chức. Hội hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em ở các địa phương có mối quan hệ phối hợp hoạt động với Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam.

Điều 13. Đại hội đại biểu

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu và được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Số lượng, cơ cấu đại biểu dự Đại hội Ban Chấp hành quy định.

3. Khi triệu tập Đại hội, Ban Chấp hành Hội phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội và phải gửi thư mời đại biểu dự ít nhất trước 20 (hai mươi) ngày so với ngày dự kiến tổ chức Đại hội.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành. Riêng việc biểu quyết thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội và Hội nghị toàn thể hàng năm của Hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy định về tiêu chuẩn hội viên, thủ tục, thẩm quyền, kết nạp hội viên, ra khỏi Hội, chấm dứt tư cách hội viên; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung, thay thế ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 20% (hai mươi) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp cần thiết lấy biểu quyết của Ban Chấp hành mà chưa đến thời hạn họp Ban Chấp hành theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này thì Ban Thường vụ Hội lấy biểu quyết bằng văn bản và quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Riêng việc bầu cử các chức danh lãnh đạo Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên có mặt biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo, điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung, báo cáo kiểm điểm công tác và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Quyết định kết nạp hội viên, hội viên ra khỏi Hội, chấm dứt tư cách hội viên của các chi hội trực thuộc;

đ) Xem xét những kiến nghị của hội viên để xử lý theo thẩm quyền, báo cáo Ban Chấp hành Hội giải quyết hoặc trình các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 3 (ba) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp cần thiết lấy biểu quyết của Ban Thường vụ mà chưa đến thời hạn họp Ban Thường vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Hội lấy biểu quyết bằng văn bản và quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu, gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Kiểm tra có thể được bầu bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra nhưng không quá 20% (hai mươi) số lượng ủy viên Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định và bầu các chức danh Trưởng ban, Phó trưởng ban khi có sự thay đổi trong nhiệm kỳ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của pháp luật và quy định của Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Cơ quan Thường trực Hội và tổ chức trực thuộc Hội

1. Cơ quan Thường trực Hội

a) Cơ quan Thường trực Hội là đầu mối triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Cơ quan Thường trực Hội gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách, ủy viên Ban Thường vụ Thường trực và nhóm cán bộ chuyên trách với các chức danh chuyên môn liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội.

b) Tùy theo nhu cầu phát triển hoạt động của Hội và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Hội về cơ cấu tổ chức của Hội, Ban Thường vụ Hội quyết

định số lượng, cơ cấu các chức danh chuyên môn để tham mưu, giúp lãnh đạo Hội triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Các chức danh chuyên môn do Ban Thường vụ thông qua và Chủ tịch Hội ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

c) Cơ quan Thường trực Hội hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động của cơ quan Thường trực Hội do Ban Thường vụ quyết định theo khả năng của Hội, quy định của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật.

2. Tổ chức trực thuộc Hội

a) Tổ chức trực thuộc Hội gồm: Tổ chức có tư cách pháp nhân, văn phòng đại diện của Hội tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các chi hội cơ sở.

b) Khi cần thiết và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành về cơ cấu tổ chức của Hội, Ban Thường vụ Hội quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Chi hội là đơn vị cơ sở trực thuộc Hội không có tư cách pháp nhân được thành lập ở cơ quan, tổ chức, địa phương khi có ít nhất từ 9 (chín) hội viên trở lên. Chi hội có thể bầu Chi hội trưởng, nếu cần thiết bầu Chi hội phó. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể việc thành lập chi hội phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d) Ban Thường vụ ban hành quy định về tổ chức, hoạt động tổ chức có tư cách pháp nhân, văn phòng đại diện phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật và thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ lãnh đạo của các tổ chức có tư cách pháp nhân, văn phòng đại diện, Chủ tịch Hội ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 18. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội;

c) Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

- d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;
- e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn, số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

3. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch điều hành các hoạt động thường xuyên, hàng ngày của Hội, ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội khi được ủy quyền.

4. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; GIẢI THỂ VÀ ĐỔI TÊN HỘI

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Giải thể Hội

1. Hội tự giải thể theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội.

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc Hội không hoạt động liên tục ít nhất 12 (mười hai) tháng.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Hội phí hàng năm của hội viên. Mức hội phí do Đại hội quyết định;

b) Hội viên tự nguyện ủng hộ;

c) Hỗ trợ của Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể; sự tài trợ hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;

d) Từ các hoạt động tư vấn, phản biện, thẩm định dự án, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

a) Chi cho các hoạt động của Hội; các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em;

b) Trả lương và các chế độ cho cán bộ, nhân viên chuyên trách theo quy định của pháp luật;

c) Chi xây dựng hoặc thuê trụ sở làm việc, điện nước, mua sắm phương tiện làm việc;

d) Chi đầu tư phát triển Hội;

đ) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội, việc quản lý, sử dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Hội. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự trang trải, tự cân đối tài chính, lấy thu bù chi.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, tự chủ, tự quản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội, làm tổn hại đến hình ảnh, uy tín của Hội, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, kỷ luật theo hình thức cảnh cáo hoặc khai trừ ra khỏi Hội. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội lần thứ hai Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2013 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. / *Handwritten signature*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Đinh